

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 01/2025/LĐ-ST

Ngày 22/5/2025

V/v: tranh chấp bồi thường thiệt
hại do vi phạm hợp đồng đào tạo

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Dương Thị Kim Hồng;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động sơ thẩm thụ lý số 01/2025/TLST-LĐ, ngày 10 tháng 2 năm 2025 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng đào tạo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH L2;

Địa chỉ trụ sở: Lô I Khu công nghiệp T, khu K, xã H, huyện A, (nay là Phường H, quận A) thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Hong K – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L và ông Ngô Văn P – Công ty L2 – Đoàn Luật sư thành phố H. Điều ở địa chỉ: Số N KĐT V, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Dương Văn C – Luật sư Công ty L2 – Đoàn Luật sư thành phố H. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị M – Luật sư Công ty L2 – Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

Ông Lưu Thanh H – Luật sư Công ty L2 – Đoàn Luật sư thành phố H. Vắng mặt.

Đều ở địa chỉ: Công ty L2, số NT8.11 KĐT V, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh **Dương Văn H1**, sinh năm 1992;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thị Tứ Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện ở Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/6/2021, Công ty TNHH L2 (Sau đây viết tắt là Công ty L2) ký Hợp đồng lao động số VH001584 với anh Dương Văn H1; loại hợp đồng: Không xác định thời hạn, tính từ ngày 01/6/2021; làm việc tại Công ty L2.

Ngày 24/3/2023, Công ty L2 và anh H1 ký Hợp đồng đào tạo về việc cử anh H1 đi đào tạo tại Hàn Quốc. Tổng Giám đốc Công ty L2 đã có quyết định số 89/QĐ-LGITVH ngày 22/1/2024 cử một số lao động đi đào tạo tại Hàn Quốc. Danh sách gồm 44 người lao động trong đó có anh Dương Văn H1. Hợp đồng đào tạo có các nội dung chính như sau: Địa điểm tổ chức: Nhà máy L3, G-do, Hàn Quốc; thời gian đào tạo: 67 ngày (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 30/3/2024). Chi phí đào tạo bao gồm: Chi phí tổ chức khóa học; vé máy bay; chi phí đi lại; phụ cấp lưu trú và công tác phí; lệ phí visa; chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo; tiền lương, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động trong thời gian đào tạo và các khoản hỗ trợ khác theo chính sách của Công ty L2. Tổng dự tính chi phí khóa học là: 129.851.359 đồng, trong đó: Tiền lương: 22.941.592 đồng; chi phí vé máy bay: 14.670.000 đồng; công tác phí: 4.355 USD tính theo tiền USD; chi phí bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn): 4.3348.982 đồng; chi phí cấp Visa: 880.000 đồng; tiền ăn: 17.186.974 đồng; phí xe buýt đưa đón: 6.107.667 đồng (152.592 đồng/ngày). Sau thời gian đào tạo, người lao động cam kết làm việc cho Công ty L2 (một) năm cho thời gian đào tạo từ 60 ngày trở lên. Nếu người lao động vi phạm thời gian cam kết làm việc cho Công ty L2 thì phải bồi thường 100% chi phí đào tạo nếu thời gian làm việc dưới 50% cam kết. Từ 51% - 80% thời gian cam kết thì phải bồi thường 70% chi phí đào tạo; từ 81% đến dưới 100% thời gian cam kết thì phải bồi thường 30% chi phí đào tạo. Ngoài ra, nếu người lao động vi phạm hợp đồng thì sẽ phải chịu khoản tiền phạt gấp 02 (hai) lần chi phí đào tạo.

Để đảm bảo người lao động thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng đào tạo, ngày 22/1/2024, chị Mai Thị Kim L1 (vợ của anh Dương Văn H1) đã ký Hợp đồng bảo lãnh số VH001584/HĐBL-LG với Công ty L2. Theo đó, chị L1 đồng ý bảo lãnh thanh toán toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh theo Hợp đồng đào tạo số VH001584/HDDT-LG ký ngày 24/3/2023 giữa anh H1 và Công ty L2, bao gồm các nghĩa vụ: Chi phí khóa đào tạo nghề, tiền phạt vi phạm

hợp đồng, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), tiền lãnh trong trường hợp chậm thanh toán các khoản tiền thuộc phạm vi bảo lãnh. Công ty L2 đã xin Visa, mua vé máy bay khứ hồi hai chiều cho anh H1 với ngày đi là 24/1/2024 và ngày về là 30/3/2024.

Ngày 24/01/2024, Công ty L2 đã đưa anh Dương Văn H1 đến Hàn Quốc theo đúng kế hoạch. Tại sân bay, Công ty L2 bố trí xe đưa đón, chở cả đoàn về ký túc xá của Công ty tại địa chỉ: số A, C-ro 2-gil, G-si, G-do, Hàn Quốc.

Ngày 27/01/2024 Công ty L2 phát hiện anh Dương Văn H1 đã tự ý rời khỏi ký túc xá từ sáng sớm mà không thấy quay trở về để tham gia khóa đào tạo. Sau đó, Công ty L2 đã liên tục gọi điện thoại liên hệ với anh Dương Văn H1 nhưng không được. Do anh H1 tự ý bỏ đào tạo, không tiếp tục làm việc cho Công ty L2, vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng lao động và Hợp đồng đào tạo nên ngày 25/7/2024, Công ty L2 đã 03 lần thông báo yêu cầu anh H1 quay trở lại làm việc vào các ngày 20/2/2024, 06/3/2024, 13/3/2024 và mời tham dự họp kỷ luật vào ngày 25/7/2024. Ngoài việc gửi thư thông báo, đại diện Công ty L2 đã đến gặp gia đình anh H1 để thông báo về việc anh H1 tự ý bỏ khóa đào tạo, nhờ liên hệ với anh H1 nhưng đều không có kết quả. Việc anh H1 tự ý bỏ khóa đào tạo không thông báo cả đoàn 44 người lao động được cử sang đào tạo tại Hàn Quốc phải quay trở về Việt Nam gây thiệt hại lớn cho Công ty L2 và ảnh hưởng đến hoạt động của nhà máy tại Việt Nam khi không đào tạo đủ nhân lực để phát triển.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện anh Dương Văn H1 với nội dung như sau:

1. Yêu cầu bị đơn anh Dương Văn H1 hoàn trả chi phí đào tạo gồm: Chi phí Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 17.140.000 đồng; tiền ăn 04 ngày: 1.026.088 đồng (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 31/1/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng); chi phí xe buýt đưa đón: 610.768 đồng (xe đưa đón 04 ngày x 152.692 đồng/ngày); chi phí chỗ ở ký túc xá: 4 ngày x 1.026.032đ = 4.104.140đ; bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng / người. Tổng cộng **24.760.996đ**

2. Yêu cầu bị đơn anh Dương Văn H1 phải trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng hai lần chi phí đào tạo là **49.521.992 đ** (24.760.996 x 2).

Tổng số tiền yêu cầu anh Dương Văn H1 phải trả là **74.282.988đ**.

Đối với bị đơn (anh Dương Văn H1): Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xuống gia đình anh H1 để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho gia đình, tuy nhiên gia đình anh H1 không có ai ở nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh H1 không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có quan điểm trình bày bằng văn bản. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt. Tòa án tiếp tục tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh tại địa phương ngày 02/4/2025 xác định: anh Dương Văn H1, sinh năm 1992 tại Thị Tứ Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có bố đẻ là ông Dương Văn B là bộ đội đã nghỉ hưu. Tuy nhiên, ông B đã không còn ở địa phương từ lâu. Mẹ đẻ anh H1 là bà Đinh Thị C1 đã chết từ năm 2014. Vợ anh Dương Văn H1 là chị Mai Thị Kim L1 cũng không ở cùng anh H1 từ lâu, không có địa chỉ cụ thể. Những người thân của anh H1 không còn ai ở địa phương.

Tại phiên tòa: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên nội dung như bản tự khai ngày 15/3/2025 đã trình bày. Chỉ yêu cầu anh Dương Văn H1 bồi thường toàn bộ thiệt hại và phạt vi phạm. Không yêu cầu người bảo lãnh là chị Mai Thị Kim L1 bồi thường trong vụ án này.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu của công ty L2 buộc anh H1 bồi thường cho công ty L2 các chi phí đào tạo và tiền phạt hợp đồng gồm chi phí Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 17.140.000 đồng; tiền ăn 04 ngày: 1.026.088 đồng (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 31/1/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng); chi phí xe buýt đưa đón: 610.768 đồng (xe đưa đón 04 ngày x 152.692 đồng/ngày); chi phí chỗ ở ký túc xá: 4 ngày x 1.026.032đ = 4.104.140đ; bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng / người. Tổng cộng 24.760.996đ. Tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng hai lần chi phí đào tạo là 49.521.992đ. Tổng số tiền là 74.282.988đ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về lao động) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Công ty L2 khởi kiện đối với bị đơn anh Dương Văn H1 có đăng ký thường trú tại: Thị Tứ Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện này: Hàn Quốc. Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Anh H1 hiện đang ở nước ngoài, không xác định được địa chỉ cụ thể, gia đình anh H1 không còn ai cư trú tại địa phương, do vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại theo hợp đồng đào tạo nên thời hiệu khởi kiện là 01 (một) năm. Bên vi phạm đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 27/1/2024; đến ngày 12/8/2024 nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nên căn cứ khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Lao động, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Ngày 01/6/2021 Công ty L2 ký hợp đồng lao động số VH001584 với anh Dương Văn H1; loại hợp đồng: không xác định thời hạn, tính từ ngày 01/6/2021; làm việc tại Công ty L2. Đây là quan hệ lao động được thiết lập dựa trên hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo điểm a khoản 1 Điều 20 Bộ luật Lao động nên được pháp luật bảo vệ.

[3.1] Ngày 24/3/2023, Công ty L2 ký hợp đồng đào tạo với anh H1 đưa đi đào tạo tại nhà máy L3, G-do, Hàn Quốc. Ngày 24/1/2024, anh H1 đã đến Hàn Quốc theo đúng kế hoạch để tham gia khóa đào tạo. Đây là hợp đồng đào tạo nghề giữa người sử dụng lao động với người lao động theo quy định tại Điều 62 Bộ luật Lao động. Sau khi sang Hàn Quốc, ngày 27/1/2024, phát hiện anh Dương Văn H1 đã tự ý rời khỏi ký túc xá từ và không quay trở về để tham gia khóa đào tạo. Công ty L2 đã liên tục gọi điện thoại liên hệ với anh Dương Văn H1 nhưng không được. Do anh H1 tự ý bỏ đào tạo, không tiếp tục làm việc cho công ty L2, vì vậy lỗi được xác định hoàn toàn thuộc về phía anh H1. Việc vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng đào tạo của anh H1 nêu trên dẫn tới ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo và hoạt động sản xuất, kinh doanh gây thiệt hại về chi phí đào tạo và các chi phí khác cho Công ty L2. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả chi phí đào tạo với số tiền bao gồm chi phí Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 17.140.000 đồng; tiền ăn 04 ngày: 1.026.088 đồng (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 31/1/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng); chi phí xe buýt đưa đón: 610.768 đồng (xe đưa đón 04 ngày x 152.692 đồng/ngày); chi phí chỗ ở ký túc xá: 4 ngày x 1.026.032đ = 4.104.140đ; bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng / người. Tổng cộng 24.760.996đ. Chi phí trên là những chi phí thực tế mà nguyên đơn đã phải bỏ ra và có các hóa đơn, chứng từ để chứng minh cụ thể. Mặt khác, các chi phí này đã được các bên nêu rõ và thỏa thuận cụ thể tại Điều 2 của Hợp đồng đào tạo và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62 của Bộ luật Lao động và Điều 419 của Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng 02 (hai) lần chi phí đào tạo là: **49.521.992 đ**, HĐXX xét thấy: Do bị đơn vi phạm Hợp đồng đào tạo, bỏ trốn khỏi nơi đào tạo, không tham gia đào tạo, gây thiệt hại cho nguyên đơn; căn cứ Điều 7 Hợp đồng đào tạo và Điều 418 của Bộ luật Dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là: $24.760.996 + 49.521.992 = 74.282.988$ đồng (làm tròn là: **74.283.000 đồng**).

[4] Về hợp đồng bảo lãnh: Ngày 22/1/2024, chị Mai Thị Kim L1 đã ký Hợp đồng bảo lãnh số VH001584/HĐBL-LG với Công ty L2. Theo đó, chị L1 đồng

ý bảo lãnh thanh toán toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh theo Hợp đồng đào tạo số VH001584/HDDT-LG ký ngày 24/3/2024 giữa anh H1 và Công ty L2, bao gồm các nghĩa vụ: Chi phí đào tạo nghề, tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), tiền lãi trong trường hợp chậm thanh toán các khoản tiền thuộc phạm vi bảo lãnh thực hiện Hợp đồng đào tạo. Tuy nhiên, nguyên đơn (là bên có quyền) không có yêu cầu giải quyết về hợp đồng bảo lãnh đối với chị Mai Thị Kim L1 (vợ anh H1 là bên có nghĩa vụ) trong vụ án này, nên HĐXX không xem xét giải quyết và không đưa chị Mai Thị Kim L1 tham gia tố tụng với tư cách là Người có nghĩa vụ liên quan là phù hợp, không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Trường hợp có phát sinh tranh chấp giữa công ty L2 và chị Mai Thị Kim L1 về hợp đồng bảo lãnh thì các đương sự có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền và sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 20; khoản 3 Điều 40; Điều 62 của Bộ luật Lao động; Điều 418 và Điều 419, 335, 336, 339, 340, 342 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn anh **Dương Văn H1** phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty TNHH L2 tổng số tiền gồm:

-Chi phí đào tạo: Chi phí Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 17.140.000 đồng; tiền ăn 04 ngày: 1.026.088 đồng (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 31/1/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng); chi phí xe buýt đưa đón: 610.768 đồng (xe đưa đón 04 ngày x 152.692 đồng/ngày); chi phí chỗ ở ký túc xá: 4 ngày x 1.026.032đ = 4.104.140đ; bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng / người. Tổng cộng **24.760.996đ**

-Tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng hai lần chi phí đào tạo là **49.521.992 đ** (24.760.996 x 2).

Tổng số tiền anh Dương Văn H1 phải trả là **74.283.000** (làm tròn) (*Bảy mươi tư triệu hai trăm tám mươi ba nghìn*) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn anh Dương Văn H1 phải chịu 2.229.000 (*Hai triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng*), án phí lao động sơ thẩm.

Trả lại nguyên đơn Công ty TNHH L2 tiền tạm ứng án phí 1.342.000đ (*Một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) đã nộp, theo B1 lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000730, ngày 11/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 (*một*) tháng, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tp. Hải Phòng;
- Các đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.
- Lưu: HS, Vp, Tòa DS;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Minh Tân